

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRÊN BÁO NÔNG CỔ MÍN ĐÀM (1901 - 1924)

LÊ THỊ KIM CHÍ*

Bài viết tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học trên báo Nông cổ Mìn đàm dựa trên 88 bài viết trong số hàng trăm tác phẩm và bài viết về văn học nghệ thuật đã đăng trên tờ báo trong 23 năm tồn tại. Mặc dù chưa thể coi những bài viết trên là các nghiên cứu, lý luận và phê bình chuẩn mực, nhưng đó là những bước đi đầu tiên cần thiết đóng góp vào quá trình hiện đại hóa nền văn học nước nhà.

Từ khóa: văn học, nghiên cứu, lý luận, phê bình, Nông cổ Mìn đàm

Nhận bài ngày: 15/9/2014; *đưa vào biên tập:* 25/3/2015; *phản biện:* 30/3/2017; *duyet đăng:* 19/5/2017

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông cổ Mìn đàm (1901-1924) là tờ báo kinh tế đầu tiên ở Việt Nam nhưng lại có 50% dung lượng dành cho văn chương. Ngoài đăng tải các sáng tác thơ, truyện dịch, truyện ngắn, tiểu thuyết, báo còn đăng tải những bài nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học. Theo khảo sát, trong 17 trên 23 năm tồn tại, Nông cổ Mìn đàm có 88 bài nghiên cứu, lý luận, phê bình văn

học. Dù số lượng bài ít ỏi so với thời gian tồn tại và hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình trên báo còn ở mức độ đơn giản, nhưng có thể coi đó là một trong những ngọn cờ tiên phong trên địa hạt văn chương trong trào lưu cải cách đầu thế kỷ XX.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trên Nông cổ Mìn đàm, chúng tôi gặp không ít khó khăn trong việc phân loại rạch ròi các thể loại bài báo. Hơn nữa, các hoạt động này còn mang tính sơ khai. Vì vậy, ở đây, chúng tôi tạm phân

* Trường Trung học Phổ thông Ngô Quyền
Thành phố Hồ Chí Minh.

biệt các thể loại nghiên cứu, lý luận, phê bình để dễ bề tìm hiểu như sau:

- Nghiên cứu là hoạt động bàn luận về những hiện tượng văn học trong quá khứ.
- Lý luận là hoạt động bàn luận về văn chương nói chung.
- Phê bình là hoạt động bàn luận về những hiện tượng văn học (và cả nghệ thuật) đương thời.

2. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRÊN NÔNG CỔ MÍN ĐÀM

2.1. Hoạt động nghiên cứu văn học

Hoạt động nghiên cứu văn học trên Nông cổ Mìn đàm tập trung vào các luận bàn về tình hình văn chương và văn học dân gian. Theo nhận định của báo, giai đoạn này dịch thuật phát triển nhanh chóng với các tác phẩm Tây, Tàu nổi tiếng như *Tam quốc chí*, *Liêu trai chí dị*, *Nghĩa khuyến*, *Ba chàng ngự lâm*... đã mang lại một luồng gió mới cho nền văn nghệ nước nhà. Các tác phẩm dịch thuật được độc giả đón nhận nhiệt tình: “Thiên hạ đến mua dập dìu, kẻ lớn người nhỏ, con nít cho đến đàn bà cũng vui mua mà đọc” (Trần Chánh Chiếu 1906). Vì số lượng tiêu thụ ngày càng tăng nên các tác giả đua nhau dịch thuật, chạy theo nhu cầu thị hiếu mới mà dửng dưng như bỏ quên sứ mạng lịch sử của mình là sáng tác, dẫn đến tình trạng thiếu các tác phẩm của người Việt, nếu có cũng chỉ là những sáng tác theo lối cũ, kém sáng tạo, chưa xây dựng được bản sắc văn hóa riêng. Trước tình hình đó, Nông cổ Mìn đàm liên tiếp

mở các chuyên mục dành riêng cho hoạt động văn chương như “*Thi phổ*”, “*Quốc âm thí thức*”, “*Quảng văn thi cuộc*”, “*Quảng văn thi thoại*”, “*Câu đối*”. Bằng hình thức “Thi cuộc” với nhiều chủ đề khác nhau (“*Thanh ni hồi tục*”, “*Tu đâu cho bằng tu nhà. Thờ cha kính mẹ hơn là đi tu*”, “*Trung thu thưởng nguyệt hạ vận*”, “*Sáng tác tiểu thuyết Roman*”...), dựa trên truyền thống văn chương cũ và quảng bá các hình thức mới, báo hướng đến mục đích tìm kiếm và khích lệ hoạt động sáng tác, xây dựng một văn đàn mới với không khí sôi nổi. Những bước đi đầu tiên bao giờ cũng khó khăn, văn đàn thời ấy vẫn chưa gặt hái được kết quả như mong muốn. Song những nghiên cứu trên đã cho thấy thực trạng vấn đề, mở ra hướng giải quyết, đáp ứng khát vọng canh tân của giới văn sĩ lúc bấy giờ và góp phần định hướng sự phát triển văn học theo hướng mới.

Bên cạnh các hoạt động khuyến khích sáng tác, nhiều tác giả trên Nông cổ Mìn đàm cũng bước đầu nghiên cứu văn chương nước nhà thông qua hoạt động thương mại, một bước tiến quan trọng trên con đường hiện đại hóa. Trong xã hội cổ truyền, các sản phẩm văn hóa nhìn chung tồn tại khá thầm lặng, số lượng hạn chế, ít được mọi người biết đến, ý thức bản quyền chưa hình thành. Sau khi, văn minh Tây Âu du nhập vào Việt Nam, công nghệ in ấn phát triển, báo chí với hoạt động quảng bá rộng rãi đã khiến văn chương được chủ động tiếp cận với độc giả. Trên báo lúc này chưa có những bài nghiên cứu chuyên sâu về

tác giả, tác phẩm, mà mới như những biểu hiện ban đầu thông qua các quảng cáo ngắn gọn, cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm như tên sách, nội dung, nơi bán, giá bán, hình thức mua bán, kèm theo đó là những lời khen ngợi, tán dương tác giả và lời mời gọi hợp tác in ấn. Sản phẩm văn chương được nhân bản rộng rãi, đến tay nhiều người hơn và có tác dụng xã hội lớn hơn nên nó đã trở thành một loại hàng hóa đặc biệt. Tác giả được hưởng lợi nhuận thỏa đáng, như nhuận bút, đăng bài, in sách, sở hữu bản quyền và điều đó là một động lực sáng tác mạnh mẽ. Viết văn không còn là một hình thức giải trí phi lợi nhuận đơn thuần nữa mà đã trở thành một nghề sinh sống. Đó là điểm nổi bật hoàn toàn mới so với văn chương truyền thống.

Khi nghiên cứu về văn học dân gian, Nông cổ Mìn đàm chỉ chú ý bàn luận đến hai nội dung mà chúng tôi tạm phân loại là câu hát dân gian và châm ngôn. Để xác định nội dung cũng hết sức khó khăn bởi ranh giới thể loại không thật sự rõ ràng. Theo chúng tôi “câu hát dân gian” bao gồm những câu ca dao lục bát, những bài ru con và những văn bản truyền miệng có vần, có nhịp. Châm ngôn là những câu nói mang tính triết lý, ngắn gọn nhưng súc tích và dễ nhớ, được truyền miệng trong dân gian từ đời này sang đời khác. Nông cổ Mìn đàm không nghiên cứu sâu về các loại hình văn học dân gian. Các luận bàn chỉ mang tính chất giải thích ngắn gọn ý nghĩa nôm na của chúng thông qua một ngữ cảnh cụ

thể. Hình thức các bài bình trên báo như một truyện kể, có mở đầu, diễn biến, kết thúc. Sau mỗi hành động có kết quả của nhân vật, tác giả nhận xét, lý giải và đúc kết thành những câu nói ngắn gọn như “Tham ăn mắc dờ”, “Làm biếng phải hư”, “Bất oán thiên, bất vưu nhơn”, “Ếch ngồi đáy giếng”... Qua đó, ngụ ý phê phán, khuyên răn, chuyển tải những bài học làm người. Tuy còn đơn giản nhưng cũng có thể coi các bài luận đó là hình thức sơ khai đáng được ghi nhận của nghiên cứu hiện đại.

2.2. Hoạt động lý luận văn học

Hoạt động lý luận văn học trên Nông cổ Mìn đàm tập trung bàn về tiểu thuyết; xoay quanh các vấn đề văn chương: nhà văn, viết văn, nghề văn, cách làm thơ; ngoài ra còn có những bài bàn về hát bội và cải lương. Đó thật sự là những luận giải có giá trị trong xã hội buổi giao thời, khi đồng tiền và địa vị ngày càng chi phối đời sống tinh thần của con người. Có lẽ vì vậy mà bao giờ các tác giả cũng đặt vấn đề giáo dục, giữ gìn phong hóa làm trọng tâm. Lý luận văn học đã thể hiện lối tư duy truyền thống ấy với quan niệm “văn dĩ tải đạo”, khẳng định vai trò và sức mạnh của văn chương trong việc cảm hóa lòng người và tu dưỡng đạo đức, lấy văn chương làm thước đo răn mình, sửa tính. Vì vậy, Nông cổ Mìn đàm coi “văn chương là của báu ở đời”, cần trân trọng, nâng niu. Lý luận văn học chập chững những bước đi đầu tiên khi đưa ra cách hiểu văn chương là gì? Tuy

“chưa thể gọi thành tên chính xác như một thuật ngữ chuyên ngành... chưa định nghĩa được văn chương là một loại hình sáng tạo bằng ngôn từ” (Bùi Thanh Vân 2014), nhưng bước đầu Nông cổ Mín đàm đã lý giải, cắt nghĩa “Văn là gì? Văn là vẻ đẹp. Chương là gì? Chương là vẻ sáng” (Phan Kế Bính 1920) và khẳng định văn chương là vẻ đẹp của ngôn từ: “Lời của người ta rục rờ bóng láng, tựa như có vẻ đẹp vẻ sáng cho nên gọi là văn chương” (Phan Kế Bính 1920). Nông cổ Mín đàm còn cho rằng “văn chương làm một khoa học” hữu ích vì nó “có thể cảm động được lòng người, di dịch được phong tục, chuyển biến được cuộc đời, cái công hiệu về đường giáo hóa lại càng lớn” (Phan Kế Bính 1923). Điều đó thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức của con người, góp phần xóa bỏ quan niệm cũ vốn chỉ coi văn chương là một thú vui nhõ nhả của những bậc “tao nhân mặc khách”.

Những bài lý luận về tiểu thuyết cho thấy sự khát khao “canh cải” để hình thành một thể loại mới, có đủ khả năng biểu đạt mọi mặt của đời sống con người: “Roman nghĩa là lấy trí riêng mình mà đặt ra một truyện tùy theo nhơn vật, phong tục trong xứ, dường như truyện có thiệt vậy” (Trần Chánh Chiêu 1907). Những quy định cụ thể về nội dung, như viết về nhân vật, phong tục trong xứ; kết cấu chia làm ba thứ: ân oán, sanh sự, bung lung, kết thúc (ân báo ân, oán báo oán, vợ chồng sum hiệp); độ dài 50 tờ giấy; ngôn ngữ tiếng thường... cho thấy

các tác giả trên Nông cổ Mín đàm đã có sự am hiểu nhất định và nắm bắt được bản chất thể loại. Kêu gọi lối viết Roman (tiểu thuyết), Nông cổ Mín đàm đề cao tính hiện thực của văn chương, mang những câu chuyện có thật trong đời thường vào trang viết một cách sinh động, từ đó nêu lên những vấn đề nhân sinh mới mẻ, ý nghĩa. Với hoạt động này, Nông cổ Mín đàm thể hiện khát vọng đổi mới trong văn chương, kêu gọi thay đổi phương pháp sáng tác hình thành thể loại mới, làm giàu có và phong phú hơn cho nền văn học dân tộc.

Không chỉ bàn về tiểu thuyết mà Nông cổ Mín đàm còn bàn về nghệ thuật cải lương. Từ những hạn chế của hát bội – một loại hình nghệ thuật già nua, không còn sức thu hút khán giả, các tác giả cho rằng cần sửa đổi để hình thành loại hình sân khấu mới: cải lương. “Cải lương nghĩa là bỏ điều dở, học điều hay, đổi nghề cũ ra nghề mới” (T.T.BV 1920). Theo báo, việc cải cách nghề hát là cần thiết, vì trong hát ca, diễn kịch có đủ cái hay, cái đẹp, có khả năng giáo hóa con người. Muốn vậy, kịch bản cải lương phải xây dựng nội dung mới, thoát ly hẳn những tuồng tích cũ và những ảnh hưởng từ Trung Hoa. Các vở diễn sẽ hướng vào cuộc sống, lấy từ cảm hứng cuộc sống và góp phần phản ánh cuộc sống đời thường. Đó là đời sống sinh nhai của nhân dân lục tỉnh với những buồn, vui, yêu, ghét rất thường tình và dung dị như bản chất của con người miền Nam. Nhân vật

cải lương không phải là con người mang tính chất minh họa như các tuồng xưa mà phải là con người thực tế trong xã hội đương thời, con người cá nhân với những tâm tư, tình cảm, khát vọng và những gì riêng nhất. Mâu thuẫn và diễn biến trong cải lương là những đột biến trong các mối quan hệ xã hội chứ không đơn giản là sự đấu tranh nhỏ hẹp trong phạm vi cung đình, ngai vàng, vua tôi. Đặc biệt cải lương cần đặt trọng tâm vào hí kịch với nội dung hài hước, giễu cợt, điều đó sẽ khiến cho cải lương dễ dàng tạo dựng được chỗ đứng trong lòng công chúng hơn.

Trên tinh thần đó, hát trong cải lương cũng cần sửa cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu mới của khán giả. Các tác giả chủ trương “Hát tiếng thường, không nam, không khách gì nên không kể đến nhạc. Hát tuồng diễn mà răn đời thôi” (Bồn quán 1920). Nghĩa là dùng lời ăn tiếng nói hằng ngày trong câu hát để gần gũi, dễ hiểu với nhân dân, tránh không dùng lối nói “cao kỳ mắc mớ”. Các tác giả cho rằng những câu hát chữ Nho thì hay đấy nhưng khó hiểu “chỉ hay riêng cho người biết chữ Nho mà thôi... đã muốn lấy cái thanh mà cảm người, mà lại dùng thứ tiếng cho người khó hiểu, sao gọi là tận thiện được” (Bồn quán 1920). Vì vậy, báo kêu gọi hãy “đại chúng hóa” nghệ thuật sân khấu để đưa cải lương đến gần với đông đảo công chúng hơn. Điều đó cho thấy lý luận thời kỳ này đã tiến gần với quan niệm về văn học bình dân. Tuy các tác giả còn chưa gọi tên chính xác nhưng

cũng đã ý thức được văn chương phải phục vụ cho đại chúng chứ không chỉ dành riêng cho đối tượng có học thức trong xã hội.

Cùng với bàn về cải lương, các bài viết trên Nông cổ Mín đàm còn khẳng định ca xướng là một nghề hữu ích bởi người nghệ sĩ phải bỏ công học tập, rèn luyện công phu để mang lại tiếng cười cho đời. Qua tiếng hát của mình, họ đã góp phần chuyển tải những thông điệp cuộc sống hữu ích. Quan niệm ấy đã hướng tới việc xóa bỏ tư tưởng cũ vốn coi ca xướng là một nghề mạt hạng. Với những quan điểm cách tân trên, văn học nghệ thuật Việt Nam thời kỳ này đã vận động đúng theo hướng hiện đại hóa. Tuy bước đầu gặp phải những khó khăn nhất định nhưng với tinh thần lý luận mới mẻ, hợp lý trong bối cảnh thời đại mới và những yêu cầu mới của các tầng lớp khán giả, chân lý bao giờ cũng chiến thắng. Nghệ thuật sân khấu cải lương hình thành, phát triển và bước đầu có những tác động lớn đến đời sống chính trị, xã hội đương thời. Ban đầu, chính quyền Pháp có ý đồ lợi dụng nghệ thuật để phục vụ chế độ nhưng bất thành. Lương Khắc Ninh⁽¹⁾ cùng các tác giả đương thời đã thông qua loại hình sân khấu cải lương để tuyên truyền tinh thần “Duy Tân” đến với nhân dân lục tỉnh, bài xích cái xấu, cái hủ lậu. Đây là một bước đột phá táo bạo của Lương Khắc Ninh và ông đã thành công. Cải lương tự thân nó đã phát triển và phục vụ cho nhu cầu tốt đẹp của nhân dân mình.

2.3. Hoạt động phê bình văn học

Hoạt động phê bình văn học trên Nông cổ Mìn đàm tập trung vào các sáng tác thơ đương thời, tiểu thuyết Tàu, tiểu thuyết tình, hát bội Lang Sa, hát bội An Nam và nghệ thuật cải lương. Với phê bình thơ, Nông cổ Mìn đàm đã mở ra hướng đối thoại mới với những cuộc tranh luận sôi nổi diễn ra giữa những người cùng thời. Tiêu biểu là cuộc tranh luận nảy lửa giữa các tác giả Đỗ Thanh Phong, Nguyễn Viên Kiều, Nguyễn Trung Thành, Trần Thừa Đức, Nguyễn Như Bích, Phan Hữu Phương, Lê Hữu Lực, Nguyễn Chánh Sắt về năm bài thơ *Trông chồng*, *Trống chầu*, *Du hồ*, *Bài thơ tặng chủ bút* và *Quan công* trên mục “Thi phổ”. Các ý kiến trái chiều, phản bác lẫn nhau và tác giả nào cũng có lý lẽ riêng. Đó là điểm mới so với văn chương truyền thống chỉ nghiêng về hoạt động sáng tác. Tuy nhiên trong thời kỳ đầu, vấn đề được đưa ra nhưng không được giải quyết triệt để, đa phần bị bỏ lửng, các ý kiến đôi lúc còn ngây ngô, mang tính chất cá nhân, có khi các tác giả còn “cãi ngang” với nhau, chê bai nhau thậm tệ. Điều đó cho thấy những hạn chế nhất định trong ý thức phê bình của các tác giả đương thời. Nhưng cũng phải nhìn nhận công tâm thấy rằng: hạn chế đó là điều tất yếu trong buổi đầu, bởi lúc này ta chưa có một hệ thống lý thuyết nào đáng tin cậy để xác định đúng-sai, nghĩa là các tác giả đã thực hành trong điều kiện thiếu thốn về phương pháp luận. Vì vậy, các cuộc tranh luận rơi vào bế tắc, thậm chí có thái độ tiêu

cực bài xích lẫn nhau. Nhưng càng về sau, giới văn sĩ ý thức được bản chất của việc tranh luận nên hoạt động này ngày càng diễn ra theo chiều hướng tích cực hơn.

Trong những cuộc bàn luận về tiểu thuyết Tàu với các tác phẩm kinh điển như *Tam quốc chí*, *Tây du ký*... và những nhân vật tiêu biểu như Tào Tháo, Lưu Bị, Tây Thi... Nông cổ Mìn đàm đã khách quan nhìn nhận giá trị, cái hay, cái đẹp của những tác phẩm cụ thể thuộc thể loại tiểu thuyết vốn rất mới mẻ đối với văn học Việt Nam. Những ý kiến luận bàn về tiểu thuyết Tàu như những minh chứng sinh động thể hiện ưu thế thể loại này. Từ đó, hình thành nên một trào lưu sáng tác tiểu thuyết, với tác phẩm đầu tay *Lương Hoa truyện* của tác giả Nguyễn Khánh Như ở Gia Định. Sau *Lương Hoa truyện*, thể loại tiểu thuyết được nhiều tác giả quan tâm hướng đến. Tuy nhiên, các tác phẩm còn nặng về chủ đề “tình” dung tục, tầm thường, “luận những điều đòi phong bại tục” (Khuyết danh 1920), chưa xây dựng được tác phẩm nào thật sự có giá trị. Điều đó khiến cho những trí thức có lương tâm đương thời lên tiếng chỉ trích nhằm bảo tồn phong hóa. Coi chúng như một loại “bệnh truyền nhiễm”, Nông cổ Mìn đàm cũng cho rằng cần “kể tên mấy cuốn sách xấu ấy ra, chỉ ngay mấy ông trước tác thấy lợi quên nghĩa ra, cho đồng bang biết mà chừa mà tránh” (Khuyết danh 1920).

Với những phê bình trên, giới văn sĩ không chỉ tỏ rõ quan điểm mà còn đề

ra các giải pháp để góp phần cải thiện tình hình. Việc phê bình có hệ thống hơn, mang tính khoa học hơn, thái độ phê bình của các tác giả chuyên nghiệp hơn, các vấn đề nêu ra cũng mang tính thời sự hơn, có ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội và đời sống con người. Tuy nhiên, việc phê bình các tác phẩm cụ thể còn chưa chuyên sâu, chủ yếu là thiên về khen ngợi thông qua những mẫu quảng cáo trên báo. Hoặc như luận về tuồng hát bội, Nông cổ Mín đàm cũng chỉ thiên về bàn luận diễn xuất, hóa trang và cách bài trí sân khấu chứ chưa đi sâu vào phê bình nội dung, nghệ thuật. Ví như khi luận về tuồng hát bội *Vậy mới phải* của Lục Mộng Cảnh. Tuy nhiên, hoạt động này đã bước đầu mở ra hướng đi mới cho phê bình tác phẩm của văn học hiện đại.

3. KẾT LUẬN

Qua tìm hiểu hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trên Nông cổ Mín đàm, chúng tôi nhận thấy dù theo hướng hiện đại hóa, song Nông cổ Mín đàm luôn đứng trên lập trường dân tộc, học hỏi cái mới nhưng cũng kiên quyết bài trừ cái xấu, hay cái mới tiêu cực để bảo vệ phong hóa nước nhà. Qua đó, Nông cổ Mín đàm kêu gọi trách nhiệm của người cầm bút và góp phần định hướng phát triển đúng đắn cho văn chương. Tinh thần nghiên cứu, lý luận, phê bình trên Nông cổ Mín đàm không hủ Nho, thủ cựu mà có sự kết hợp mềm dẻo, hợp lý với tư tưởng tiến bộ văn minh. Trước đây, bạn đọc chỉ biết đến tác

phẩm mà ít quan tâm đến người đã khai sinh ra nó. Nông cổ Mín đàm khẳng định vai trò nhà văn, đưa nhà văn ra ánh sáng và bảo vệ quyền lợi của họ. Trong các cuộc thi, khi các cuốn sách đạt giải thì tòa báo đều có phần thưởng cho tác giả, sách in ra phải để tên tác giả, lợi nhuận từ việc in ấn và bán sách phải có phần của tác giả. Đó là quan niệm mới mẻ chịu ảnh hưởng từ văn minh phương Tây.

Tuy nhiên, hiện đại hóa không có nghĩa là tự do thái quá mà Nông cổ Mín đàm vẫn đặt giá trị truyền thống làm nền tảng. Tiêu biểu là cuộc thi thơ thứ nhất trên *"Quảng văn thi cuộc"* do Lương Khắc Ninh khởi xướng với chủ đề *"Thanh ny hồi tục"*. "Có nhiều người nói còn khiêm ý, chưa được trái cho mấy, sao không cho cô vải đi luôn vô thanh lâu cho rồi" (Lương Khắc Ninh 1902). Chủ bút bèn trả lời gãy gọn dựa vào truyền thống đạo lý của dân tộc: "Tôi nghĩ thuở xưa có mùi đạo đức... thủ nghĩa hồi tục cũng đã hiếm rồi, còn phải lộ ra chi cho lắm... theo ý tôi sát ra lấy chồng làm ăn thì phải cang thường luân lý hơn" (Lương Khắc Ninh 1902). Điều đó cho thấy, Nông cổ Mín đàm học hỏi cái hay, cái đẹp của văn hóa phương Tây và văn chương tiến bộ, nhưng không phủ nhận giá trị cũ mà vẫn chủ trương giữ gìn tinh hoa văn hóa dân tộc.

Nhìn chung, nghiên cứu, lý luận, phê bình trên Nông cổ Mín đàm thời kỳ này tuy còn chưa thể hiện được những đặc trưng thể loại, còn hạn chế

về nhiều mặt, nhưng đã góp phần giúp các nhà văn thấy được vai trò và sứ mạng lịch sử của mình, từ đó định hướng sự phát triển của văn chương trong tương lai. Những hoạt động của Nông cổ Mín đàm đã đóng góp những

cơ sở đầu tiên để xây dựng một nền văn chương ngày một “thay da đổi thịt”, mở ra triển vọng mới cho sự phát triển của văn học nghệ thuật nước nhà. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Nhà văn, tự là Dũ Thúc, Dị Sử Thi, nguyên quán ở Quảng Nam, ông sinh ra và lớn lên ở Bến Tre. Ông học chữ Hán, chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Năm 1900, ông bỏ việc thông ngôn hữu thệ tại tòa án tỉnh Bến Tre lên Sài Gòn viết báo Nông cổ Mín đàm của Trần Chánh Chiêu, sau khi ông Chiêu bị bắt, Lương Khắc Ninh thay làm chủ bút báo này. Trong nhiều số báo, ông viết liên tục các bài cổ động các nghề nông, thương, công, ủng hộ phong trào Duy tân, Đông du của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và nhiều thơ văn yêu nước với tinh thần duy tân tự cường, chấn hưng dân trí và dân khí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bồn quán. 1920. “Thế nào gọi là cải lương” (Trích Trung Bắc Tân văn). *Nông cổ Mín đàm*, số 164.
2. Bùi Thanh Vân. 2014. “*Nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trên Lục tỉnh Tân văn* (Luận văn thạc sĩ), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
3. Khuyết danh. 1920. “Một cách đọc sách báo”. *Nông cổ Mín đàm*, số 178.
4. Lương Khắc Ninh. 1902. “Quảng văn thi cuộc”. *Nông cổ Mín đàm*, số 45.
5. Phan Kế Bính. 1920. “Việt Hán văn khảo”. *Nông cổ Mín đàm*, số 174.
6. Phan Kế Bính. 1923. “Văn chương là của báu ở đời”. *Nông cổ Mín đàm*, số 81.
7. T.T.BV. 1920. “Thế nào là cải lương”. *Nông cổ Mín đàm*, số 163.
8. Trần Chánh Chiêu. 1906. “Diễn dịch, đặt để”. *Nông cổ Mín đàm*, số 260.
9. Trần Chánh Chiêu. 1907. “Quốc âm thí thức”. *Nông cổ Mín đàm*, số 200.
10. Tư liệu sưu tầm Nông cổ Mín đàm (1901-1924) trong 17/23 năm: 1901-1907, 1910, 1912, 1916 -1923. Nông cổ Mín đàm từ năm 1901-1907 là tài liệu PDF tại Thư viện Khoa học Xã hội. Nông cổ Mín đàm các năm 1910, 1912, 1916-1923 là tài liệu VFim tại Thư viện Tổng hợp TPHCM. Tổng số báo đã khảo sát: 487 số, trong đó có 88 bài báo chứa đựng nội dung nghiên cứu, lý bình luận, phê văn học.